

中華科技大學115學年度秋季班新南向產學合作國際專班

電機與資訊工程系學生錄取名單

經115年7月27日新南向產學合作國際專班申請入學招生委員會審查通過

編號	學制 Degree	中文姓名	英文姓名 English Name	國籍 Citizenship	錄取別 Chính thức / dự bị
1	大學部Bachelor	高○雄	CAO VIET HUNG	越南Việt Nam	正取Chính thức
2	大學部Bachelor	裴○英	BUI THE ANH	越南Việt Nam	正取Chính thức
3	大學部Bachelor	黎○達	LE VAN DAT	越南Việt Nam	正取Chính thức
4	大學部Bachelor	阮○勝	NGUYEN QUYET THANG	越南Việt Nam	正取Chính thức
5	大學部Bachelor	河○俊	HA VAN TUAN	越南Việt Nam	正取Chính thức
6	大學部Bachelor	吳○軍	NGO DINH QUAN	越南Việt Nam	正取Chính thức
7	大學部Bachelor	劉○孟	LUU VAN MANH	越南Việt Nam	正取Chính thức
8	大學部Bachelor	劉○南	LUU DINH NAM	越南Việt Nam	正取Chính thức
9	大學部Bachelor	阮○達	NGUYEN TIEN DAT	越南Việt Nam	正取Chính thức
10	大學部Bachelor	泰○君	THAI BA QUAN	越南Việt Nam	正取Chính thức
11	大學部Bachelor	朱○俊	CHU VAN TUAN	越南Việt Nam	正取Chính thức
12	大學部Bachelor	鄧○呂	DANG THE LU	越南Việt Nam	正取Chính thức
13	大學部Bachelor	黃○龍	HOANG BAO LONG	越南Việt Nam	正取Chính thức
14	大學部Bachelor	阮○戰	NGUYEN DUC CHIEN	越南Việt Nam	正取Chính thức
15	大學部Bachelor	阮○勝	NGUYEN DUC THANG	越南Việt Nam	正取Chính thức
16	大學部Bachelor	黃○全	HOANG MINH TOAN	越南Việt Nam	正取Chính thức
17	大學部Bachelor	鄧○長盛	DANG THU TRUONG THINH	越南Việt Nam	正取Chính thức
18	大學部Bachelor	武○晉才	VO NGOC TAN TAI	越南Việt Nam	正取Chính thức
19	大學部Bachelor	張○龍	TRUONG HOANG LONG	越南Việt Nam	正取Chính thức
20	大學部Bachelor	阮○輝	NGUYEN THAI HUY	越南Việt Nam	正取Chính thức
21	大學部Bachelor	陳○風	TRAN THANH PHONG	越南Việt Nam	正取Chính thức
22	大學部Bachelor	陳○登	TRAN HAI DANG	越南Việt Nam	正取Chính thức
23	大學部Bachelor	楊○大	DUONG KHANH DAI	越南Việt Nam	正取Chính thức
24	大學部Bachelor	黎○勇	LE VAN DUNG	越南Việt Nam	正取Chính thức
25	大學部Bachelor	羅○龍	LA VAN LONG	越南Việt Nam	正取Chính thức
26	大學部Bachelor	阮○全	NGUYEN VAN TOAN	越南Việt Nam	正取Chính thức
27	大學部Bachelor	丁○進德	DINH NHU TIEN DUOC	越南Việt Nam	正取Chính thức
28	大學部Bachelor	阮○厚	NGUYEN TRUNG HAU	越南Việt Nam	正取Chính thức

中華科技大學115學年度秋季班新南向產學合作國際專班

電機與資訊工程系學生錄取名單

經115年7月27日新南向產學合作國際專班申請入學招生委員會審查通過

編號	學制 Degree	中文姓名	英文姓名 English Name	國籍 Citizenship	錄取別 Chính thức / dự bị
29	大學部Bachelor	阮○蝶	NGUYEN CONG DIEP	越南Việt Nam	正取Chính thức
30	大學部Bachelor	阮○功	NGUYEN CHI CONG	越南Việt Nam	正取Chính thức
31	大學部Bachelor	阮○雄	NGUYEN ANH HUNG	越南Việt Nam	正取Chính thức
32	大學部Bachelor	范○忠	PHAM VAN TRUNG	越南Việt Nam	正取Chính thức
33	大學部Bachelor	阮○好	NGUYEN VAN HAO	越南Việt Nam	正取Chính thức
34	大學部Bachelor	阮○南	NGUYEN THANH NAM	越南Việt Nam	正取Chính thức
35	大學部Bachelor	阮○山	NGUYEN TRUONG SON	越南Việt Nam	正取Chính thức
36	大學部Bachelor	阮○俊	NGUYEN DUY TUAN	越南Việt Nam	正取Chính thức
37	大學部Bachelor	楊○成	DUONG TRUNG THANH	越南Việt Nam	正取Chính thức
38	大學部Bachelor	範○英	PHAM TUAN ANH	越南Việt Nam	正取Chính thức
39	大學部Bachelor	陳○宇	TRAN HOANG VU	越南Việt Nam	正取Chính thức
40	大學部Bachelor	李○面	LY VAN DIEN	越南Việt Nam	正取Chính thức
41	大學部Bachelor	黃○龍	HOANG HAI LONG	越南Việt Nam	備取Dự bị
42	大學部Bachelor	阮○強	NGUYEN DUC MANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
43	大學部Bachelor	劉○俠	LUU QUOC HIEP	越南Việt Nam	備取Dự bị
44	大學部Bachelor	阮○筭	NGUYEN VAN DUAN	越南Việt Nam	備取Dự bị
45	大學部Bachelor	阮○達	NGUYEN CONG DAT	越南Việt Nam	備取Dự bị
46	大學部Bachelor	阮○公	NGUYEN VAN CONG	越南Việt Nam	備取Dự bị
47	大學部Bachelor	黃○孟強	HOANG NGHIA MANH CUONG	越南Việt Nam	備取Dự bị
48	大學部Bachelor	阮○桑	NGUYEN TIEN SANG	越南Việt Nam	備取Dự bị
49	大學部Bachelor	麻○英現	MA VAN ANH HIEN	越南Việt Nam	備取Dự bị
50	大學部Bachelor	阮○山	NGUYEN VAN SON	越南Việt Nam	備取Dự bị
51	大學部Bachelor	吳○才	NGO NGOC TAI	越南Việt Nam	備取Dự bị
52	大學部Bachelor	杜○規	DO CONG QUY	越南Việt Nam	備取Dự bị
53	大學部Bachelor	阮○孝	NGUYEN DINH HIEU	越南Việt Nam	備取Dự bị
54	大學部Bachelor	阮○明	NGUYEN VAN MINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
55	大學部Bachelor	吳○隆	NGO HOANG LONG	越南Việt Nam	備取Dự bị
56	大學部Bachelor	阮○興	NGUYEN VIET HUNG	越南Việt Nam	備取Dự bị

中華科技大學115學年度秋季班新南向產學合作國際專班

電機與資訊工程系學生錄取名單

經115年7月27日新南向產學合作國際專班申請入學招生委員會審查通過

編號	學制 Degree	中文姓名	英文姓名 English Name	國籍 Citizenship	錄取別 Chính thức / dự bị
57	大學部Bachelor	阮○勝	NGUYEN MANH THANG	越南Việt Nam	備取Dự bị
58	大學部Bachelor	武○嘉保	VO KHAC GIA BAO	越南Việt Nam	備取Dự bị
59	大學部Bachelor	阮○善	NGUYEN DUC THIEN	越南Việt Nam	備取Dự bị
60	大學部Bachelor	阮○雄	NGUYEN VAN HUNG	越南Việt Nam	備取Dự bị
61	大學部Bachelor	阮○勇	NGUYEN ANH DUNG	越南Việt Nam	備取Dự bị
62	大學部Bachelor	韋○越	VI VAN VIET	越南Việt Nam	備取Dự bị
63	大學部Bachelor	甲○秀	GIAP VAN TU	越南Việt Nam	備取Dự bị
64	大學部Bachelor	黃○玉	HOANG VAN NGOC	越南Việt Nam	備取Dự bị
65	大學部Bachelor	胡○稱	HO CONG XUNG	越南Việt Nam	備取Dự bị
66	大學部Bachelor	鄧○艷	DANG VAN DIEM	越南Việt Nam	備取Dự bị
67	大學部Bachelor	梁○進達	LUONG DUC TIEN DAT	越南Việt Nam	備取Dự bị
68	大學部Bachelor	阮○甲	NGUYEN TRONG GIAP	越南Việt Nam	備取Dự bị
69	大學部Bachelor	阮○創	NGUYEN VAN SANG	越南Việt Nam	備取Dự bị
70	大學部Bachelor	陳○業	TRAN QUANG NGHIEP	越南Việt Nam	備取Dự bị
71	大學部Bachelor	阮○功	NGUYEN VAN CONG	越南Việt Nam	備取Dự bị
72	大學部Bachelor	莫○德	MAC VAN DUC	越南Việt Nam	備取Dự bị
73	大學部Bachelor	鄭○明光	TRINH DUC MINH QUANG	越南Việt Nam	備取Dự bị
74	大學部Bachelor	段○勇	DOAN VAN DUNG	越南Việt Nam	備取Dự bị
75	大學部Bachelor	裴○春英	BUI TRUNG XUAN ANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
76	大學部Bachelor	胡○慶	HO QUOC KHANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
77	大學部Bachelor	阮○國輝	NGUYEN HUU QUOC HUY	越南Việt Nam	備取Dự bị
78	大學部Bachelor	阮○慶玲	NGUYEN THI KHANH LINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
79	大學部Bachelor	武○天	VU NHAT THIEN	越南Việt Nam	備取Dự bị
80	大學部Bachelor	阮○俊	NGUYEN ANH TUYEN	越南Việt Nam	備取Dự bị
81	大學部Bachelor	黃○文	HOANG ANH VAN	越南Việt Nam	備取Dự bị
82	大學部Bachelor	阮○正	NGUYEN VAN CHINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
83	大學部Bachelor	武○生	VU VAN SINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
84	大學部Bachelor	黃○勇	HOANG TIEN DUNG	越南Việt Nam	備取Dự bị

中華科技大學115學年度秋季班新南向產學合作國際專班

電機與資訊工程系學生錄取名單

經115年7月27日新南向產學合作國際專班申請入學招生委員會審查通過

編號	學制 Degree	中文姓名	英文姓名 English Name	國籍 Citizenship	錄取別 Chính thức / dự bị
85	大學部Bachelor	胡○秀	HO ANH TU	越南Việt Nam	備取Dự bị
86	大學部Bachelor	武○識	VU TRI THUC	越南Việt Nam	備取Dự bị
87	大學部Bachelor	范○利	PHAM TIEN LOI	越南Việt Nam	備取Dự bị
88	大學部Bachelor	河○山	HA VAN SON	越南Việt Nam	備取Dự bị
89	大學部Bachelor	王○福	VUONG DINH PHUC	越南Việt Nam	備取Dự bị
90	大學部Bachelor	阮○越煌	NGUYEN VAN VIET HOANG	越南Việt Nam	備取Dự bị
91	大學部Bachelor	范○明	PHAM QUANG MINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
92	大學部Bachelor	杜○成	DO XUAN THANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
93	大學部Bachelor	陳○祿	TRAN THANH LOC	越南Việt Nam	備取Dự bị
94	大學部Bachelor	李○明	LY VAN MINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
95	大學部Bachelor	裴○波	BUI DONG BA	越南Việt Nam	備取Dự bị
96	大學部Bachelor	阮○龍	NGUYEN THANH LONG	越南Việt Nam	備取Dự bị
97	大學部Bachelor	阮○功	NGUYEN XUAN CONG	越南Việt Nam	備取Dự bị
98	大學部Bachelor	陳○定	TRAN QUOC DINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
99	大學部Bachelor	阮○南	NGUYEN VAN NAM	越南Việt Nam	備取Dự bị
100	大學部Bachelor	陳○達	TRAN QUOC DAT	越南Việt Nam	備取Dự bị
101	大學部Bachelor	黎○長	LE VAN TRUONG	越南Việt Nam	備取Dự bị
102	大學部Bachelor	阮○皇	NGUYEN TANG HOANG	越南Việt Nam	備取Dự bị